



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2

Ngày 31/12/2025	34,450 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.3%	2.8%	-8.2%

DT thuần Q4/25
537
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 283 111%
YoY: ▲ 93.0 20.9%

LN thuần Q4/25
39.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.3 183%
YoY: ▲ 18.1 86.1%

LN sau thuế Q4/25
49.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 35.6 265%
YoY: ▲ 29.1 146%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
9.1%
YoY: +/-▲ 2.5%

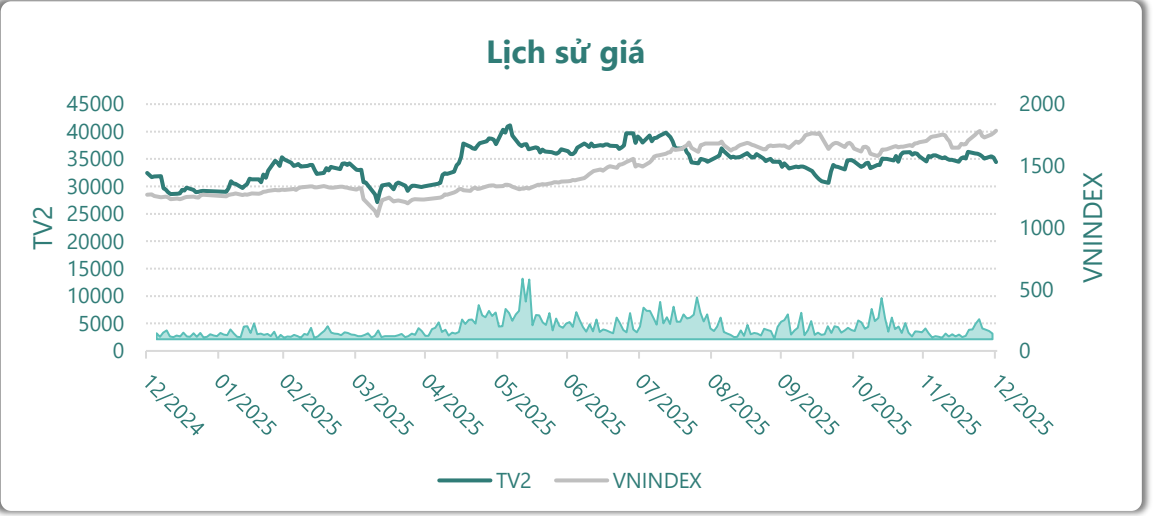
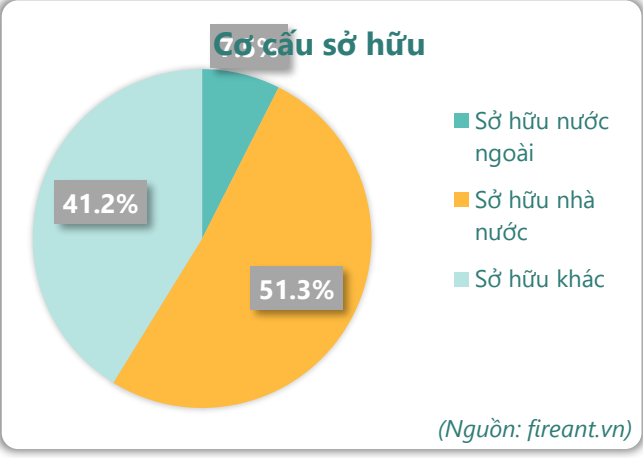
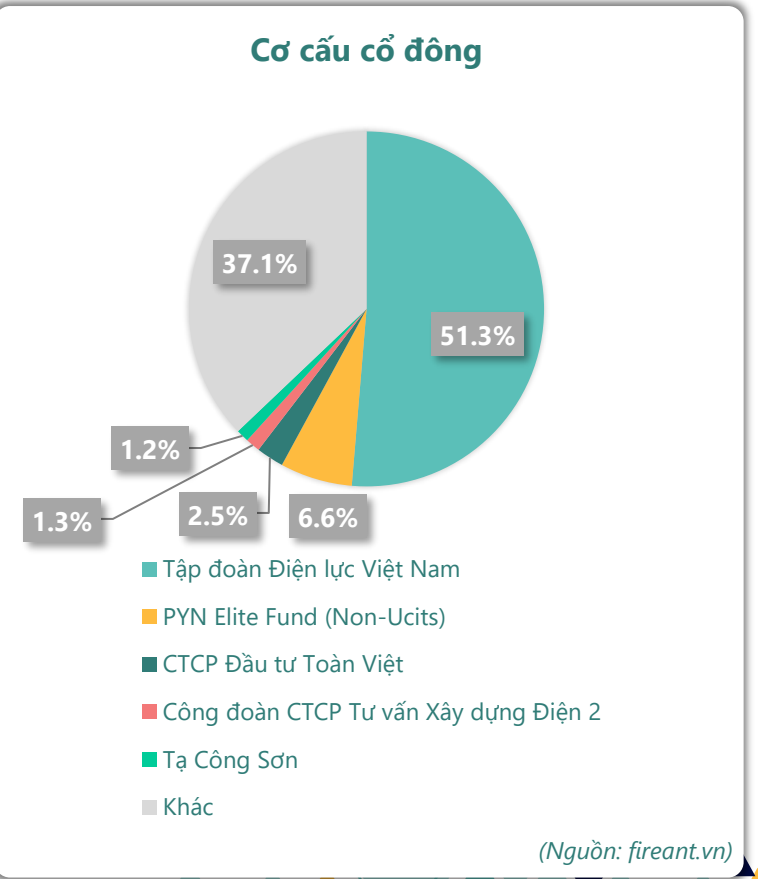
ROE 2025
7.1%
YoY: +/-▲ 2.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	27,128 - 41,130
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,326
Số lượng CPLH (CP)	67,526,165
KLGD BQ 20 phiên (CP)	178,410
Sở hữu nước ngoài	7.5%
Beta	0.65
EPS	1,399
P/E	24.6

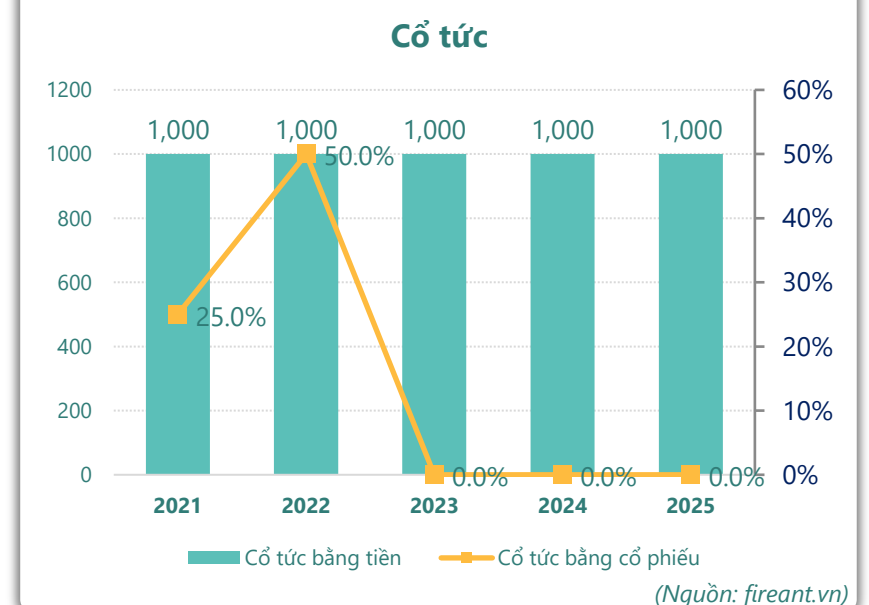
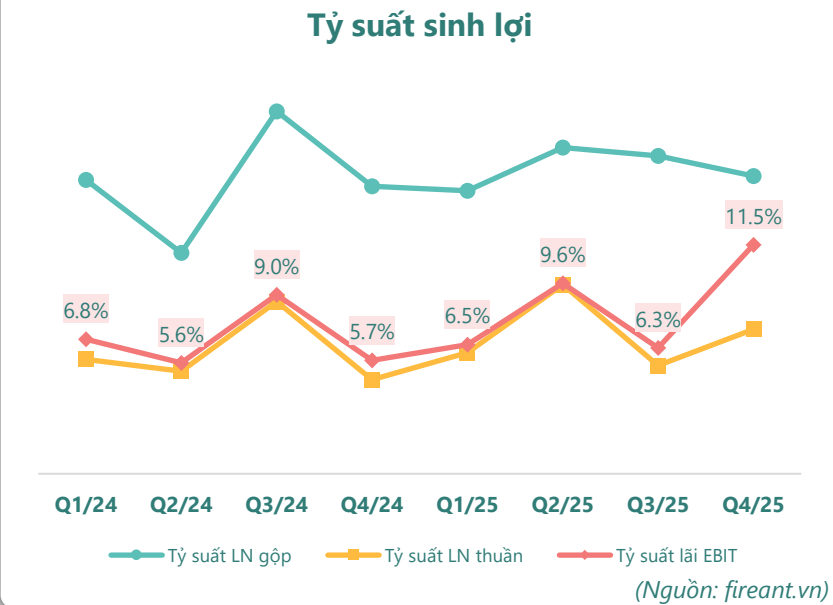
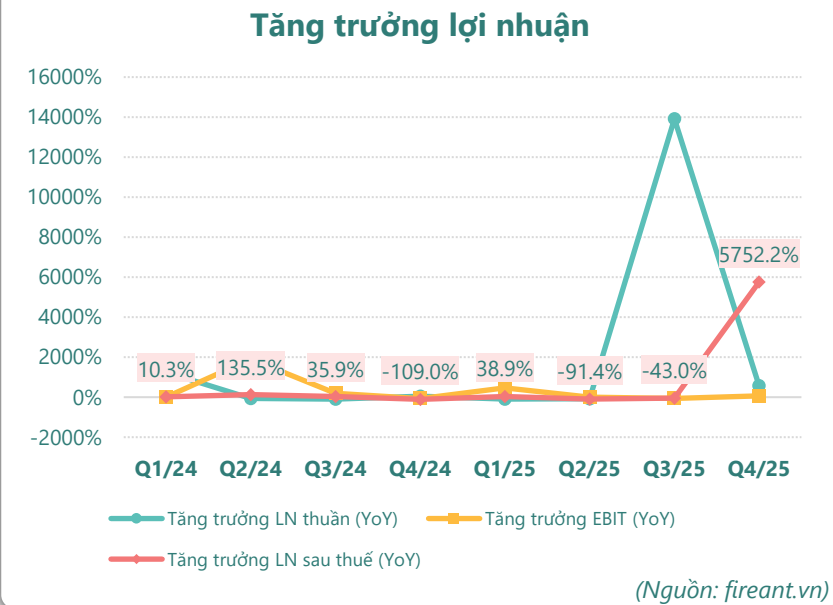
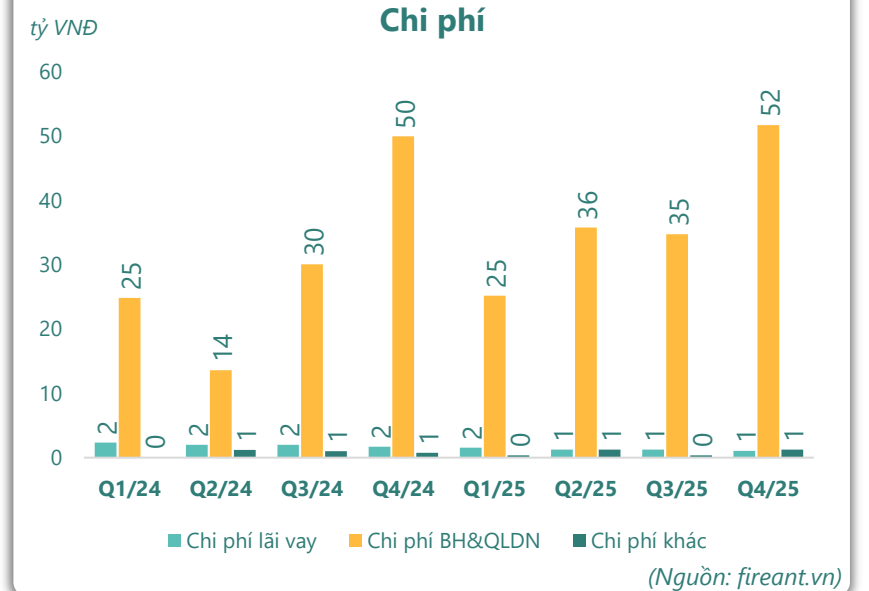
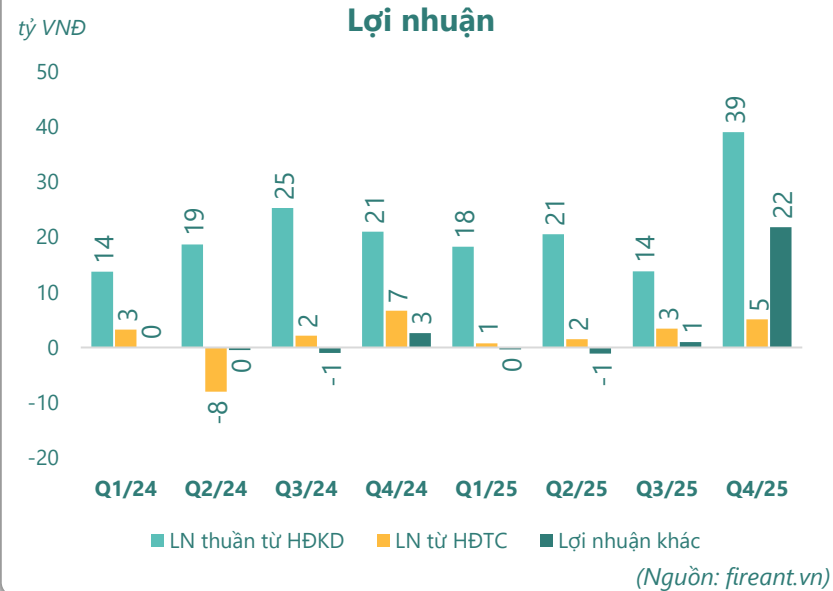
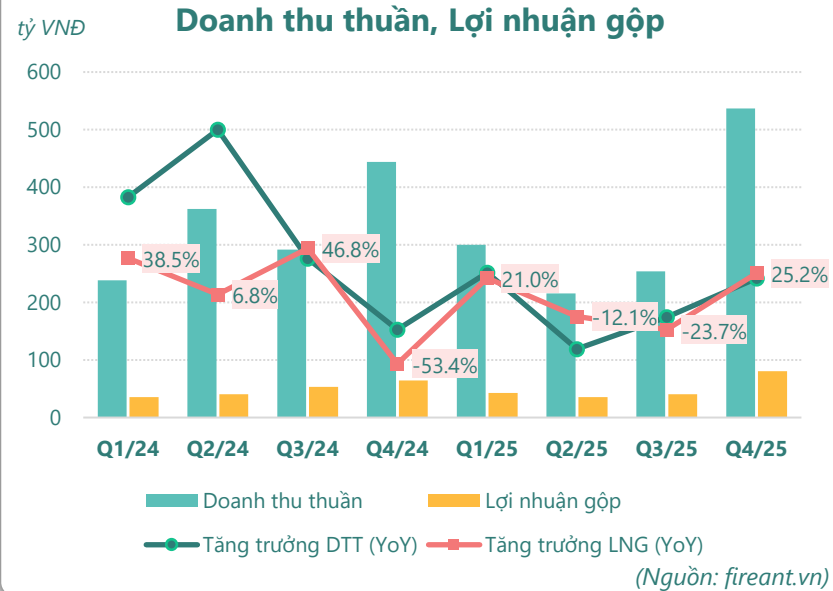
DT thuần 2025
1,306
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.0 -2.2%

LN thuần 2025
91.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.7 17.5%

LN sau thuế 2025
95.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.7 47.5%



KẾT QUẢ KINH DOANH



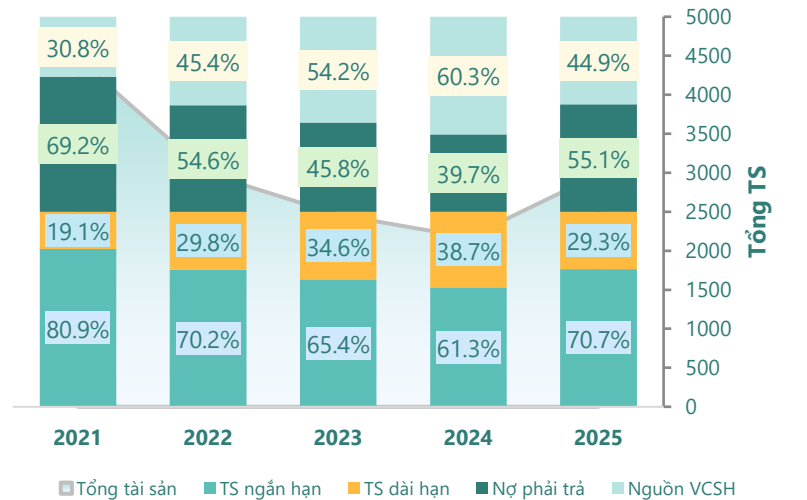


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

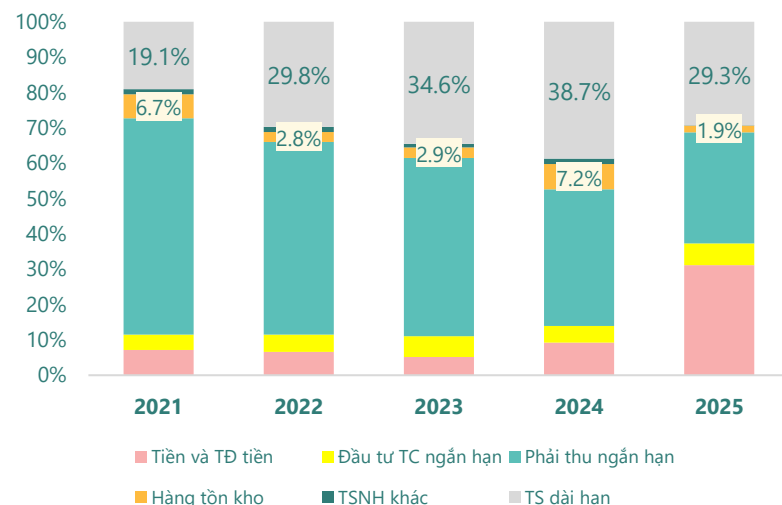
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

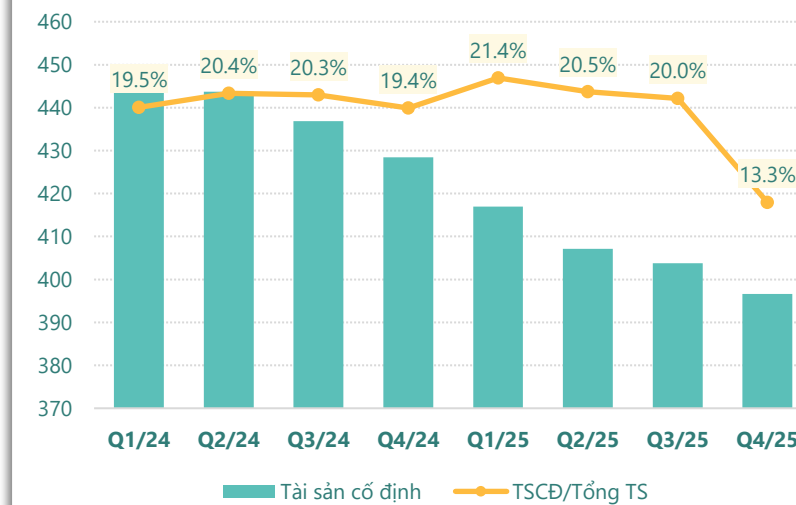
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

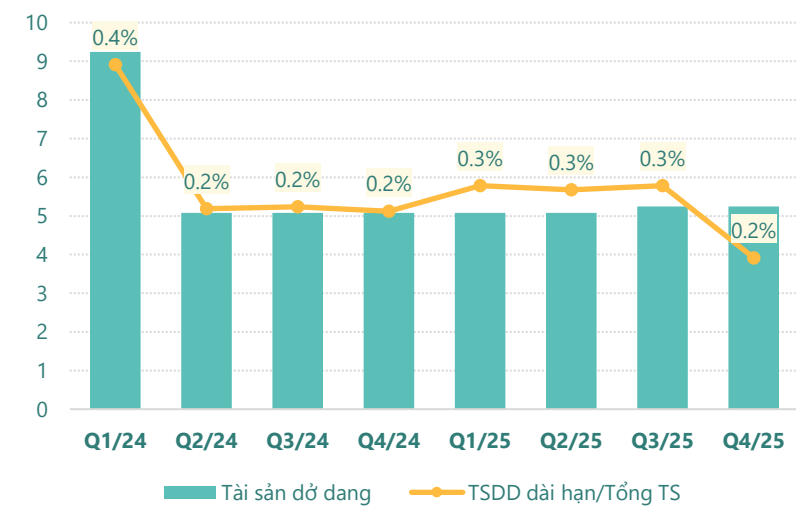
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

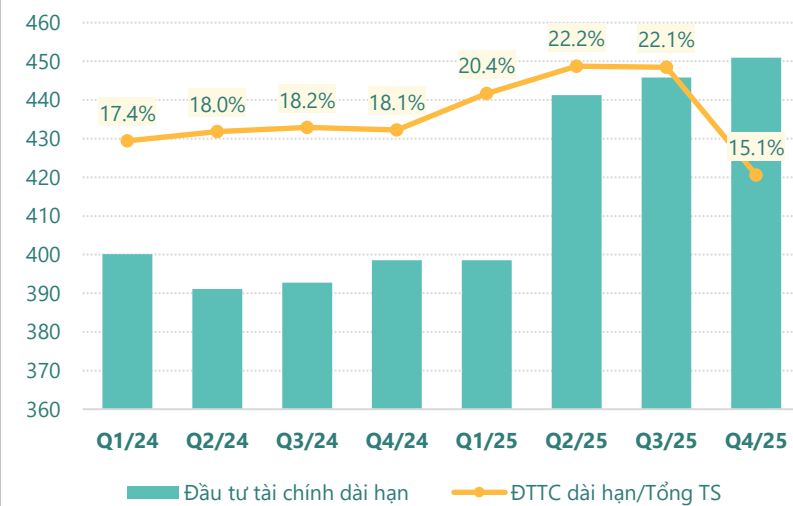
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

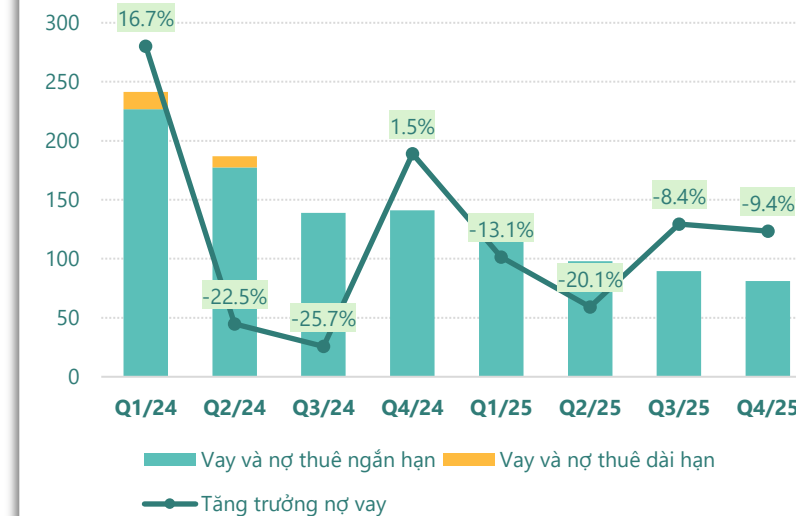
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

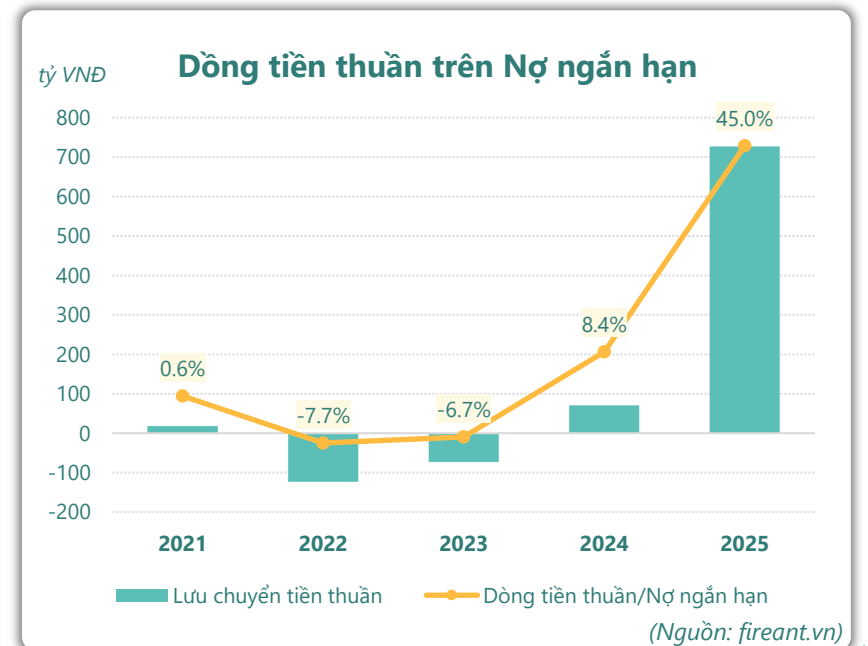
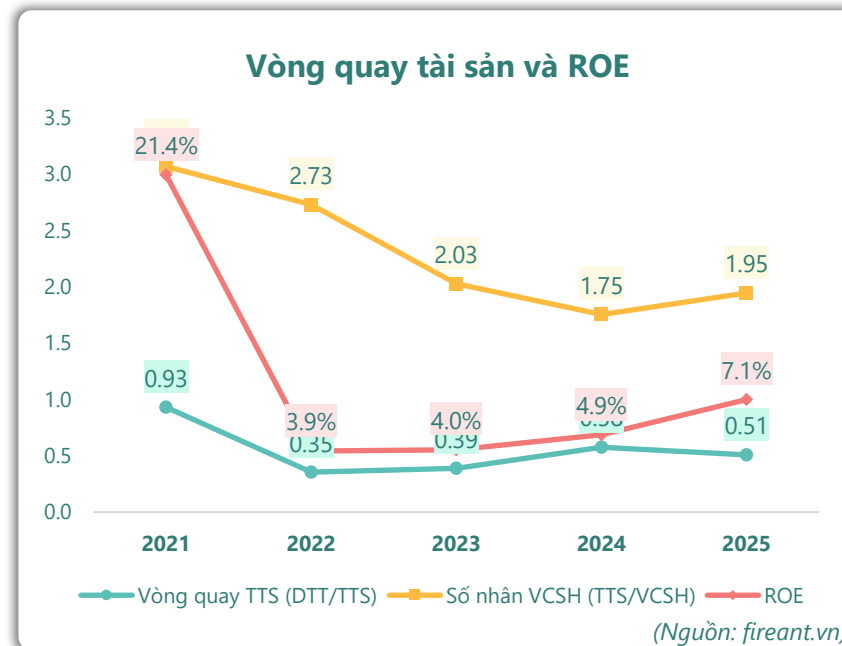
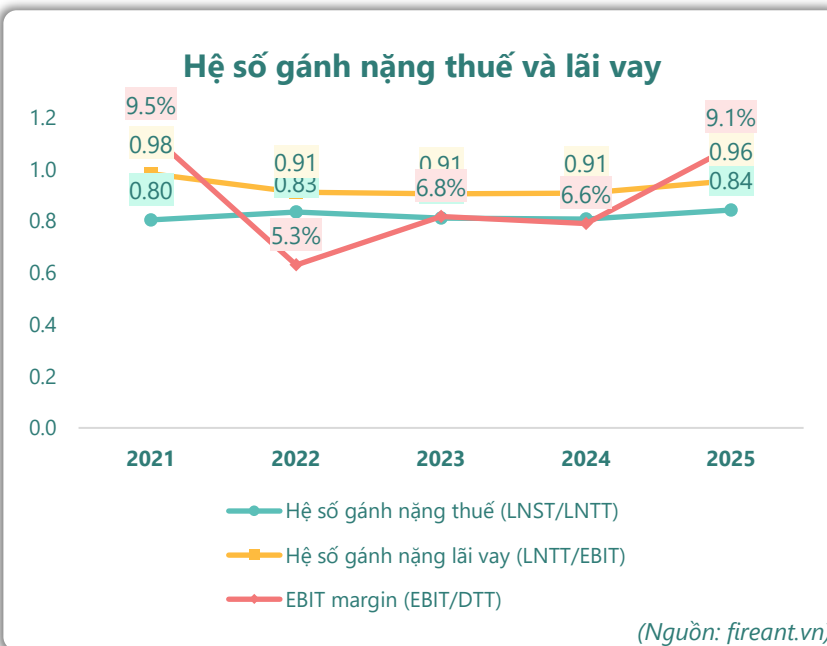
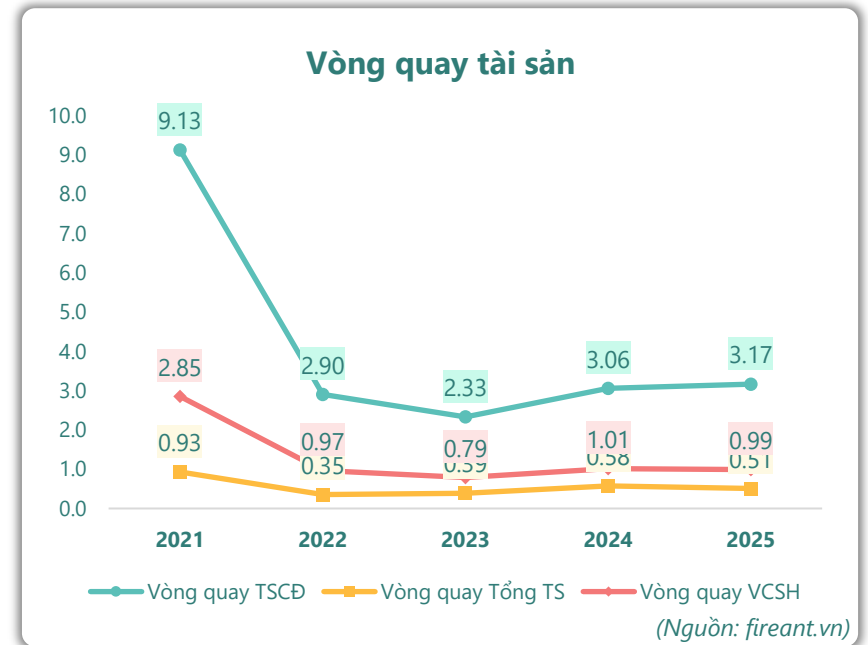
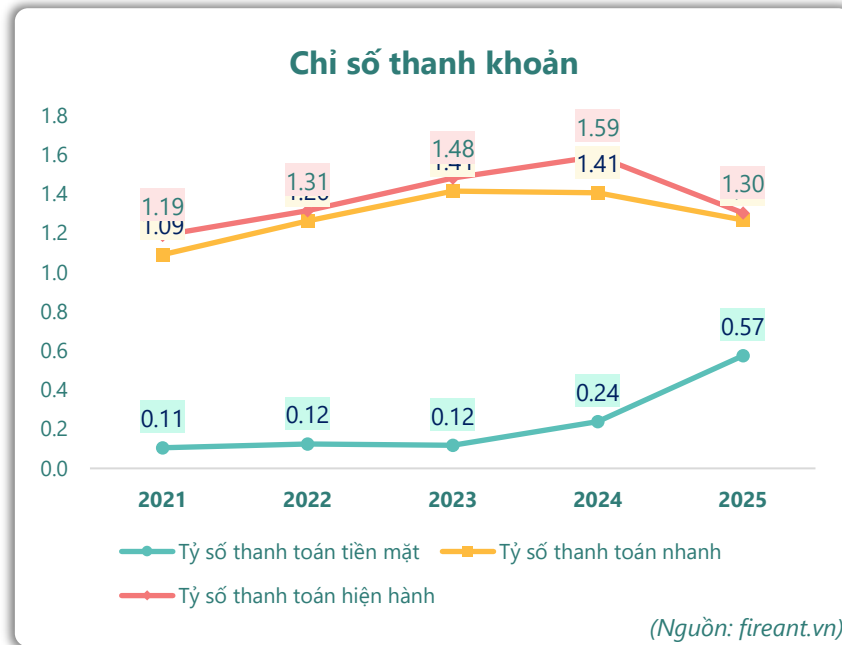
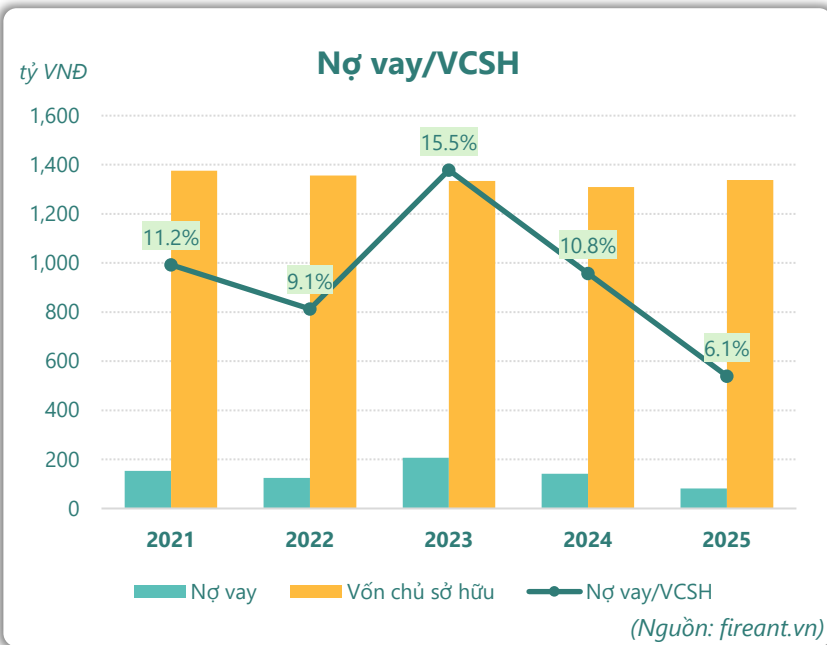
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	537	444	20.9%	1,306	1,336	-2.2%
Giá vốn hàng bán	456	379	20.4%	1,107	1,144	-3.3%
Lợi nhuận gộp	80.5	64.3	25.2%	199	192	3.9%
Doanh thu HĐTC	6.85	7.00	-2.1%	17.9	19.7	-9.2%
Chi phí TC	1.77	0.32	453%	7.18	15.7	-54.3%
Chi phí lãi vay	1.06	1.69	-37.6%	5.11	8.06	-36.6%
LN trong công ty LKLD	5.19	0.00		29.1	0	
Chi phí bán hàng	0.92	1.54	-40.5%	3.15	5.52	-42.9%
Chi phí QLDN	50.8	48.4	5.0%	144	112	28.4%
LN thuần từ HĐKD	39.1	21.0	86.1%	91.8	78.1	17.5%
Lợi nhuận khác	21.8	2.62	734%	21.4	1.92	1015%
LN trước thuế	60.9	23.7	157%	113	80.0	41.5%
Lợi nhuận sau thuế	49.0	19.9	146%	95.4	64.7	47.5%
LNST của CĐ cty mẹ	48.6	19.9	144%	94.4	64.7	46.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.3	229	-84.4	44.7	81.2	897
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.14	-78.2	67.7	11.0	-17.9	-145
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.1	-65.6	-18.6	-24.7	-8.24	-75.9
Tiền đầu kỳ	133	114	200	165	197	252
Lưu chuyển tiền thuần	-17.9	84.7	-35.3	31.0	55.1	676
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.33	1.60	0.12	1.00	0.60	-0.25
Tiền cuối kỳ	114	200	165	197	252	928

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,978	2,173	37.1%
Tài sản ngắn hạn	2,104	1,332	58.0%
Tiền và tương đương tiền	928	200	364%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	183	103	77.2%
Phải thu ngắn hạn	936	839	11.5%
Hàng tồn kho	56.1	156	-64.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.61	33.2	-95.1%
Tài sản dài hạn	874	841	3.9%
Phải thu dài hạn	0.52	2.30	-77.4%
Tài sản cố định	397	428	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.25	5.08	3.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	451	399	13.2%
Tài sản dài hạn khác	20.6	6.61	212%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,640	863	89.9%
Nợ ngắn hạn	1,615	836	93.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	81.2	141	-42.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	197	363	-45.7%
Nợ dài hạn	25.1	27.3	-8.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,338	1,309	2.2%
Vốn chủ sở hữu	1,338	1,309	2.2%
Vốn điều lệ	675	675	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

